

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC4+RP1	7:15	10+9	0+0		4+15	0+0	
2		TD3+CTC1+RCDM	7:25	14+0+8	0+0+0		9+2+5	0+0+0	chuyen 2 ctcl-rcdm
3		VSP02+RC8+MRM	7:15	17+5+0	0+0+0		14+5+3	0+0+0	
4		HST+AMD+TGTH5	7:25	6+14+2	0+0+0		0+1+0	0+0+0	
5		RP3+P1+GTC1	9:25	20+1+0	0+0+0		8+7+0	0+0+0	chuyen 7 p1-gtc1
6		RP1+RP3	9:25	7+15	0+0		3+19	0+0	
7		RC6+VSP02	9:25	12+10	0+0		7+15	0+0	
8		RP1+RCDM+RC4	11:25	13+6+2	0+0+0		13+4+5	0+0+0	
9		VSP02+P9+P7	11:25	13+6+1	0+0+0		10+1+9	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày RC4-3 ng, RCDM-3 ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/07/2024	TO: RC4 - RP1	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:15
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: NKHANH - VLINH	ETA: 09:00
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG DIEN	RC4					64	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN THO	RC4	57	1	6		96	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN TUNG DUONG	RC4					57	ANTOAN	Vietnamese
4	BUI NGOC LONG	RC4	65	1	14		81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUNG TIN	RC4	55	1	11		95	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH SON	RC4	53	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TO TIEN DUNG	RC4	56	1	8	50	77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC THUAN	RC4	61	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH TUAN	RC4	59-60	2	18		76	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN CAO MONG	RC4	54	1	6		58	PSV	Vietnamese
11	LE HUY TAM	RP1	08	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN TUAN ANH	RP1	02	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NANG	RP1	05	1	12	20	81	KH-THAC	Vietnamese
14	VU BA NEP	RP1	03	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHUNG DAI DUONG	RP1	07	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TOAN	RP1	06	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN BAO TRUNG	RP1	400	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VAN LIEN	RP1	04	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
19	LE TRI KHANH	RP1	01	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	10	9	86	745	50	4		
2	RP1	9	9	60	642	20	15		
TOTAL		19	18	146	1.387	70	19		
WEIGHT KG				146	1.387	70			

GRAND TOAL: 1.603 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: TD3 - CTC1 - RCDM	CREW: LHM - VANH - DUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO THANH HOP	TD3	05	1	5	20	67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HAN	TD3	14-15	2	14		83	KH-THAC	Vietnamese
3	VO VAN DONG	TD3					69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DUC NHAN	TD3	08	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
5	DANG TRUNG HIEU	TD3	16	1	17		72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN XUAN THANH	TD3	09	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VU DINH DAI	TD3	01-02	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LE HOAI THIEN	TD3	10	1	15		76	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN HUU VIET	TD3	11	1	15		65	DVL	Vietnamese
10	NHAM DUC TUAN	TD3	12	1	13		70	DVL	Vietnamese
11	VUONG KIEN QUOC	TD3	13	1	8		80	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG TUYEN	TD3	06	1	11	20	68	XAYLAP	Vietnamese
13	HO DINH LOC	TD3	03	1	5		80	PSV	Vietnamese
14	MAI MINH TIEN	TD3	04	1	5		73	PSV	Vietnamese
15	DO HONG SON	RCDM				30	62	D-HANH	Vietnamese
16	NGUYEN CONG HOAN	RCDM					79	D-HANH	Vietnamese
17	PHAM THANH BINH	RCDM	78	1	2		82	ANTOAN	Vietnamese
18	HO TRONG BANG	RCDM	81	1	5		73	PSV	Vietnamese
19	HOANG HUU SON	RCDM	83	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	VO QUOC THONG	RCDM	84-85	2	14		77	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG NHAT THANH	RCDM	82,86	2	16		72	KH-THAC	Vietnamese
22	HUYNH MINH TRI	RCDM	80	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	14	15	143	1.015	40	9		CHUYEN 2 KHACH TU CTC1 SANG RCDM
2	CTC1	0	0	0	0	45	2+2		
3	RCDM	8	8	47	565	30	5		
TOTAL		22	23	190	1.580	115	16		
WEIGHT KG				190	1.580	115			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/07/2024	TO: VSP02 - RC8 - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: N3	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.CƯỜNG -	ETA: 09:25
VANG-1		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DU	VSP02	05-06	2	14		72	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TUAN	VSP02	04	1	5		80	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HUONG	VSP02	09-10	2	14		63	PSV	Vietnamese
4	SERGIENKO S.	VSP02	03	1	6		85	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN CONG LAM	VSP02	56-58	3	12		68	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG NGOC CUONG	VSP02	59	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	08	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO TRUNG DUNG	VSP02	07	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN LE HOI	VSP02	61	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN XUAN KINH	VSP02	12	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO QUỐC TRINH	VSP02	55	1	20		67	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM DUY QUANG	VSP02					66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET NGOC	VSP02	13-15	3	20		66	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN PHUONG	VSP02	53-54	2	13		87	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN DUONG	VSP02	62-63	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02	11	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM TRONG TUAN	VSP02	60	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TAT TAM	RC8	37	1	5		55	PSV	Vietnamese
19	HUYNH MINH SANG	RC8	39	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG DUNG	RC8	38	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC TU	RC8	42	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
22	LUONG TUAN ANH	RC8	40-41	2	13		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	17	24	160	1.190	0	14		
2	RC8	5	6	36	353	0	5		
3	MRM	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	30	196	1.543	0	22		
WEIGHT KG				196	1.543	0			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/07/2024	TO: HST - AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:00
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HÙNG - SON - THÀNH	ETA: 15:30
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO THỂ THANH	HST	10	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT THĂNG	HST	08	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NHA	HST	07	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HST	11-12	2	20		84	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THE TRUYỀN	HST	09	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN DỤC QUAN	HST	13-14	2	19		71	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HÙNG	AMD	94	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	86	1	10	17	65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TRUNG KIẾN	AMD	98	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUANG THANH	AMD	96-97	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT LÂM	AMD	992-994	3	15		80	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRI TRUNG	AMD	95	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO MINH TUẤN	AMD					82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ KIM NGHIỆP	AMD	85	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ MẠNH ĐIẾP	AMD	89-90	2	20		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ QUANG HUÂN	AMD	91	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VĂN GIANG	AMD	99	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	AMD	595-596	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	AMD	597-598	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOANG LONG	AMD	599,500	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN DUNG	TGTH5	01	1	5	33	72	KH-THAC	Vietnamese
22	CHU ĐỨC CHÍ	TGTH5	02	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	6	8	69	440	0	0		
2	AMD	14	20	133	977	17	1		
3	TGTH5	2	2	9	148	33	0		
TOTAL		22	30	211	1.565	50	1		
WEIGHT KG				211	1.565	50			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

19/07/2024



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/07/2024	TO: RP3 - P1 - GTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.CƯỜNG -	ETA: 11:45
TRANG-2		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯƠNG VĂN PHỒ	RP3	33	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC KHIÊM	RP3	26	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO QUANG TÔ	RP3	25	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	28	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ XUÂN VIỆT	RP3					79	KHI	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	29	1	5		80	KHI	Vietnamese
7	PHẠM BUI HOANG LONG	RP3	24	1	6		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN QUỐC CƯỜNG	RP3	43-44	2	20	110	70	KHI	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH TÙNG	RP3	45	1	4		93	KHI	Vietnamese
10	TÔ HỮU THĂNG	RP3	35-36	2	12		82	KHI	Vietnamese
11	PHẠM MINH TOÀN	RP3	39-40	2	14		57	YTE	Vietnamese
12	VÔ TÂN CHÂU	RP3	38	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	30-31	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	42	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH TÂN NGON	RP3	32	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TÙNG	RP3	27	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ QUANG HÙNG	RP3	37	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM QUỐC CHÊ	RP3	34	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	23	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO ĐỨC THANH	RP3	22	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG MINH THIEN	RP3	41	1	4		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	24	142	1.570	110	8		CHUYEN 7 PAX P1-GTC1
2	P1	0	0	0	0	0	7		
3	GTC1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	24	142	1.570	110	15		
WEIGHT KG				142	1.570	110			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT:	TO: RP1 - RP3	CREW: LHM - VANH - DUNG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG THONG	RP1					67	KH-THAC	Vietnamese
2	DANG VU NHAT VINH	RP1	15	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN THIEN THANH	RP1	11	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
4	TANG THANH DAN	RP1	16	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET HUNG	RP1	12	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	DO VAN THANH	RP1	13	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH THAM	RP1	14	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN CONG SOAI	RP3	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LE CONG HUNG	RP3	38	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUY HAI	RP3	37	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VIET HUNG	RP3	41	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU MAU	RP3	32	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
13	VO THANH LAM	RP3	35	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
14	DANG HAI HA	RP3	40	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH QUANG THANH	RP3	36	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DINH HO	RP3	39	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH BINH	RP3	43-44	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN TIEN	RP3	42	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NAM TRUNG	RP3	97	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TINH	RP3	30-31	2	18		78	CODIEN	Vietnamese
21	MAI DINH KHANG	RP3	33	1	15	17	50	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	7	6	26	500	0	3		
2	RP3	14	16	105	937	17	19		
TOTAL		21	22	131	1.437	17	22		
WEIGHT KG				131	1.437	17			

GRAND TOAL: 1.585 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/07/2024	TO: RC6 - VSP02	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ QUANG TUYỀN	RC6	69-70	2	14	40	71	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI QUỐC VIỆT	RC6					80	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU TIẾN BÌNH	RC6	84-85	2	6		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LẠ	RC6	71	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẠO NGỌC HAI	RC6	73	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VĂN SƠN	RC6	79	1	18		71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN SỸ	RC6	82-83	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN NGỌC	RC6	76	1	10	15	76	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN THUY	RC6	80-81	2	17		57	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LONG	RC6	78	1	20	4	65	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG ĐỊNH	RC6	74-75	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
12	KIEU MINH QUYẾT	RC6	72	1	6		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	03-04	2	14	20	56	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	02	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HA MẠNH THĂNG	VSP02	99	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI HUY BÌNH	VSP02	01	1	4	16	79	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ VĂN HUNG	VSP02	05	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH DUƠNG	VSP02	12	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ TÂN LINH	VSP02	98	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	DUONG TRUNG VIET	VSP02	10-11	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	06-07	2	11		82	KH-THAC	Vietnamese
22	LŨ SƠN	VSP02	700	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	12	16	144	829	59	7		
2	VSP02	10	13	84	691	36	15		
TOTAL		22	29	228	1.520	95	22		
WEIGHT KG				228	1.520	95			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/07/2024	TO: RP1 - RCDM - RC4	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: N8	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VANH - DŨNG	ETA: 14:10
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TU TUAN TU	RP1	30	1	7	21	89	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ HUY HOÀNG	RP1	31	1	17		83	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY NGỌC	RP1	21	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	29	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẦN TRỌNG HIỆU	RP1	32	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ HỒNG TÍN	RP1	20	1	7		80	YTE	Vietnamese
7	ĐOÀN HIỆP THỌ	RP1	28	1	16		75	DUY LINH	Vietnamese
8	NGUYỄN SƠN LONG	RP1	17	1	18		61	DUY LINH	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC HỘI	RP1	22	1	13		60	DUY LINH	Vietnamese
10	LÊ MẠNH DŨNG	RP1	23	1	11		65	DUY LINH	Vietnamese
11	HOÀNG CÔNG LINH	RP1	26-27	2	20		63	DUY LINH	Vietnamese
12	ĐẶNG TRẦN LONG	RP1	18-19	2	16		60	DUY LINH	Vietnamese
13	PHẠM HUY TÂN	RP1	24-25	2	12		54	DUY LINH	Vietnamese
14	HOANG HUU VINH QUY	RCDM	99	1	15		78	CODIEN	Vietnamese
15	LÊ VĂN NINH	RCDM	89-90	2	15		77	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM HOANG	RCDM	95-97	3	17		61	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN KHANH HUNG	RCDM	98	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN KIM HUNG	RCDM	91-92	2	12		78	NHATHAU	Vietnamese
19	THAI ĐẶNG THẠCH	RCDM	93-94	2	7		58	NHATHAU	Vietnamese
20	NGUYỄN HIỆN ĐĂNG	RC4	36-37	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HOÀI	RC4	19	1	10		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	13	16	159	898	21	13		
2	RCDM	6	11	76	422	0	4		
3	RC4	2	3	27	134	0	5		
TOTAL		21	30	262	1.454	21	22		
WEIGHT KG				262	1.454	21			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

du VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/07/2024	TO: VSP02 - P9 - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH ANH BAO	VSP02	16	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG HOANG DAT	VSP02	18	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VIET QUANG	VSP02	14-15	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC DUNG	VSP02	21	1	5		99	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGUYEN QUANG	VSP02	17	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM HUU TRI	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN XUAN TRUONG	VSP02	26-27	2	12		77	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC KHOA	VSP02	25	1	11		91	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN HOAI NAM	VSP02	23-24	2	8	21	75	CODIEN	Vietnamese
10	LE MANH HUNG	VSP02	20	1	8		78	ANTOAN	Vietnamese
11	VO XUAN TOAN	VSP02	22	1	5		80	PSV	Vietnamese
12	LE ĐANG KHOA	VSP02	19	1	6		67	PSV	Vietnamese
13	HOANG VAN TRUNG	VSP02	13	1	5		82	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN TUE	P9	36	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
15	VO HOANG TIEN	P9	34	1	19		78	XAYLAP	Vietnamese
16	LE TRONG VAN	P9	35	1	7		66	XAYLAP	Vietnamese
17	MAI DUY TAN	P9	37	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM THAI SON	P9	40-41	2	18		91	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG ĐỨC PHONG	P9	38-39	2	15		91	XAYLAP	Vietnamese
20	MAI VAN TOAN	P7	51	1	7		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	13	15	96	1.017	21	10		
2	P9	6	8	80	463	0	1		
3	P7	1	1	7	58	0	11		
TOTAL		20	24	183	1.538	21	22		
WEIGHT KG				183	1.538	21			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	19	0		19	0	
2		BK4+VSP01+CTK3	7:25	6+16+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
3		P10+VSP01	7:25	7+15	0+0		3+19	0+0	
4		TD1	9:25	22	0		22	0	
5		P5+BK15+P10	9:25	6+0+15	0+0+0		0+5+17	0+0+0	CHUYEN 2 BK15-P10

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
FLIGHT: 01	TO: T.UNG	CREW: CHIẾN - HOÀI	ETA: 11:00
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	QUÁCH VĂN THAO	T.UNG	32	1	3		72	YTE	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC ĐỨC THẮNG	T.UNG	90-33	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	34	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TUẤN AN	T.UNG	37	1	5	30	72	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG ANH MINH	T.UNG	96	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	36	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	38	1	2		83	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO DUY TỬ	T.UNG	35	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	95	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	92	1	12		84	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN CUÔNG	T.UNG					71	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	97	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY DƯ	T.UNG	93-94	2	8		93	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	88-89	2	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TỬ LONG	T.UNG	98	1	2		65	PSV	Vietnamese
17	PHẠM TRẦN THANH PHÚC	T.UNG	900	1	5		85	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	T.UNG	91	1	2		65	PSV	Vietnamese
19	VÔ VĂN KIẾT	T.UNG	99	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	19	20	100	1.367	30	19		
TOTAL		19	20	100	1.367	30	19		
WEIGHT KG				100	1.367	30			

GRAND TOAL: 1.497 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/07/2024	TO: BK4 - VSP01 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: DUONG - VANH - NNAM	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA THAI QUOC	BK4	47	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
2	TONG VAN ĐỨC	BK4	45-46	2	13		71	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC HUNG	BK4	38-39	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI CONG THANH	BK4	42,44,37	3	16		80	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HUÂN	BK4	43	1	15		82	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC SON	BK4	40-41	2	17		85	XAYLAP	Vietnamese
7	BORVINSKY A	VSP01	12	1	9	35	87	KH-THAC	Russian
8	TRUBOVHGIN	VSP01	02	1	5		80	KH-THAC	Russian
9	HUYNH KIM KHANH	VSP01	16	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM HOANG THANH	VSP01	11	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HAI HA	VSP01	17-18	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC THIÊN	VSP01	04	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
13	VU QUANG THANH	VSP01	03	1	5		70	YTE	Vietnamese
14	TRAN HUU KHANH	VSP01	01	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01	13	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NAM SINH	VSP01	05	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN CHAU	VSP01	15	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VAN TRUONG	VSP01	14	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRINH TIEN BINH	VSP01	08	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN THUY	VSP01					68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN VIET TUNG	VSP01	06-07	2	17		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG HA	VSP01	09-10	2	14		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	6	11	83	461	0	0		
2	VSP01	16	18	119	1.168	35	14		
3	CTK3	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	29	202	1.629	35	22		
WEIGHT KG				202	1.629	35			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/07/2024	TO: P10 - VSP01	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VANH - DŨNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH TŨ	P10	97-99	3	22		67	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN CHI THANH	P10	49,51	2	17	12	55	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG VAN THUYET	P10	92	1	8	92	64	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN VAN TRINH	P10	52	1	9		66	XAYLAP	Vietnamese
5	LUU ĐỨC THỊNH	P10	95-96	2	23		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN BA ĐIỆP	P10	48,800	2	22		80	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO NGOC SỰ	P10	93-94	2	22		60	XAYLAP	Vietnamese
8	VU MINH THAO	P10	68	1	7		66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VIET MINH HOANG	VSP01	63	1	7		82	ANTOAN	Vietnamese
10	PHAN THANH LỢI	VSP01	900	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG PHUC LUONG	VSP01					82	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH TUAN	VSP01	51	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TAN SANG	VSP01	56-57	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	59	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG NAM	VSP01	60-61	2	9		90	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TUYEN	VSP01	58	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUY DONG	VSP01	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN THANH HA	VSP01	52	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO MINH HỢI	VSP01	62	1	3		76	PSV	Vietnamese
22	ĐẶNG BÌNH TÂM	VSP01	54	1	8		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	8	14	130	528	104	3		
2	VSP01	14	14	68	1.014	0	19		
TOTAL		22	28	198	1.542	104	22		
WEIGHT KG				198	1.542	104			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/07/2024	TO: TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VANH - DŨNG	ETA: 11:45
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BADRETDINOV EDGAR	TD1	88	1	8		80	KHOAN	Russian
2	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	80-81	2	9		82	KHOAN	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	85	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THIỆU	TD1	84	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	79	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG TÂM	TD1	86	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
8	MAI ANH TUẤN	TD1	73	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VĂN NINH	TD1	75	1	3	40	78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC DŨNG	TD1	70	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN HUY QUANG	TD1	72	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	83	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	74	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUANG HUNG	TD1	68-69	2	18		78	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ THANH TUNG	TD1	77	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
16	TÔNG VĂN THÈ	TD1	71	1	15		72	SCHLUMBE	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LINH	TD1	82	1	12		65	DVL	Vietnamese
18	VŨ HOÀNG QUÂN	TD1	65	1	3		60	PSV	Vietnamese
19	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	78	1	4		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1	87	1	3		53	PSV	Vietnamese
21	ĐẠU VIỆT BẠC	TD1	76	1	3		76	PSV	Vietnamese
22	ĐẠU ĐỨC HUNG	TD1	64	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	23	152	1.567	40	22		
TOTAL		22	23	152	1.567	40	22		
WEIGHT KG				152	1.567	40			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/07/2024	TO: P5 - BK15 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - VANH - NNAM	ETA: 11:40
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRUONG GIANG	P5	40	1	13		66	DVL	Vietnamese
2	LE DUY HUYNH	P5	35	1	15		69	DVL	Vietnamese
3	PHAM VAN DAM	P5	32	1	9		67	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN THIEU BINH	P5	38-39	2	23		59	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TIET	P5	36-37	2	21		70	DVL	Vietnamese
6	DUONG BA VINH	P5	33-34	2	15		93	DVL	Vietnamese
7	VO QUOC TUAN	P10	85-86	2	23		81	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI HONG SANG	P10	88	1	15	15	95	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN KHA	P10	69-70	2	23		68	XAYLAP	Vietnamese
10	VO VAN HOAI	P10					69	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC THANH	P10	71	1	15		58	XAYLAP	Vietnamese
12	LE NGUYEN KHOI NGUYEN	P10	58,99	2	13		60	XAYLAP	Vietnamese
13	MAI TRUNG DUONG	P10					65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN ANH DUC	P10	87	1	13		93	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN SY TINH	P10	37	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRAN	P10	84	1	5		63	XAYLAP	Vietnamese
17	VUONG THE HA	P10	72	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LINH	P10	38	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
19	LE XUAN DOAN	P10	83	1	9		58	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN VAN HIEU	P10	82	1	8		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	6	9	96	424	0	0		CHUYEN 2 PAX BK15-P10
2	BK15	0	0	0	0	0	5	2	
3	P10	14	15	155	964	15	17		
TOTAL		20	24	251	1.388	15	22		
WEIGHT KG				251	1.388	15			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+PPD	7:25	14+8	0+0		10+12	0+0	
2		RC3+TD2	7:25	5+17	0+0		0+20	0+0	CHUYEN 3 BK6 RC8
3		BK6+RC8+RP2	7:25	0+0+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
4		P3+PPD	9:25	12+10	0+0		1+21	0+0	
5		MRM+RP3	9:25	6+16	0+0		0+17	0+0	
6		P4	9:25	22	0		22	0	
7		P8+P4+RP1	11:25	17+4+1	0+0+0		0+14+8	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY P4-SNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/07/2024	TO: P4 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: DUONG - N.ANH - THANH	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU PHUONG	P4					70	BIEN DONG	Vietnamese
2	LE HONG DAI	P4	64	1	5		73	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN CANH TAN	P4					72	KH-THAC	Vietnamese
4	NHAM DIEN BIEN	P4					70	NIPI	Vietnamese
5	PHAN VAN THINH	P4	66	1	6		74	NIPI	Vietnamese
6	PHAM THE TRUONG	P4	60	1	6		75	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TRUNG	P4	61	1	4	30	72	KHI	Vietnamese
8	ĐINH NGOC QUY	P4	69	1	3		76	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN ĐANG TUAN	P4	65	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	TÀ XUÂN HIẾU	P4	63	1	6		66	KHI	Vietnamese
11	PHAM VAN QUYEN	P4	62	1	7		78	KHI	Vietnamese
12	PHAN HONG TAM	P4	67-68	2	11		60	KHI	Vietnamese
13	PHAM DUC HIEP	P4	59	1	4		80	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VIET NGOC	P4	70	1	5		64	KHI	Vietnamese
15	ĐINH THE QUAN	PPD	73-75	3	13		68	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM	PPD	81	1	5		63	KHI	Vietnamese
17	TRAN VAN DUNG	PPD	76	1	4		80	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TA	PPD	72	1	2		72	KHI	Vietnamese
19	TRAN LE RANG	PPD	77-78	2	7		86	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN HUU HAO	PPD	79	1	5		79	KHI	Vietnamese
21	PHAM HAI QUANG	PPD	71	1	4		71	KHI	Vietnamese
22	BUI THANH	PPD	80	1	3		62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	14	12	62	1.000	30	11		
2	PPD	8	11	43	581	0	11		
TOTAL		22	23	105	1.581	30	22		
WEIGHT KG				105	1.581	30			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/07/2024	TO: RC3 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VIỆT - HTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	RC3	31	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN QUY	RC3	30	1	10	40	80	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠNG TIẾN TOÀN	RC3	28	1	11		70	DVL	Vietnamese
4	PHAN MINH QUÂN	RC3	29	1	12		80	DVL	Vietnamese
5	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	RC3	32-33	2	19		70	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG THUY	RP2					62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN XUÂN	RP2	44	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐAM	RP2	42	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TỰ ĐỘ	RP2	48	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LÊ	RP2	49	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	VÔ VĂN DUY	RP2	54-55	2	15		72	NIPI	Vietnamese
12	BAZHIKOV TIMUR	RP2	56-57	2	10		86	NIPI	Russian
13	CHU ĐỨC AI	RP2	50	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC THANH	RP2	47	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LÊN	RP2	51	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN HỒNG NGŨ	RP2	52	1	4	40	70	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HUNG	RP2	46	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT MINH	RP2	43	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN HUY	RP2	45	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN SƠN	RP2	41	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
21	TÀ HOÀI TRĂNG	RP2	53	1	10		75	ANTOAN	Vietnamese
22	PHAN THANH SƠN	RP2	38-40	3	19		75	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	5	6	65	372	40	0		
2	RP2	17	20	117	1.185	40	22		
TOTAL		22	26	182	1.557	80	22		
WEIGHT KG				182	1.557	80			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: TD2 - BK6 - RC8	CREW: ĐỨC - VANH - DŨNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG CƯỜNG	TD2	01	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH ANH	TD2	09	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN BAC	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN MẠNH CƯỜNG	TD2	04	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN HUY	TD2	08	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ ANH QUÂN	TD2	10	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUY	TD2	11-12	2	13		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN SỸ HIỆU	TD2	03	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH GIANG	TD2	02	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	TRƯƠNG ĐỨC MẠNH	TD2	13	1	9	60	77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TIỀN	TD2	07	1	8		87	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	TD2	14-15	2	10		65	D-HANH	Vietnamese
13	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD2	06	1	8		77	DVL	Vietnamese
14	USATENKO DMITRII	TD2	400	1	12		100	DVL	Russian
15	PHAN VINH TRUONG	TD2	05	1	10		70	DVL	Vietnamese
16	HOANG THAI LONG	TD2	16	1	8		56	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THAI	TD2	17	1	5		100	PSV	Vietnamese
18	ĐINH EM	TD2	18	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	19	122	1.384	60	20		CHUYEN 3PAX BK6-RC8
2	BK6	0	0	0	0	35	0+3		
3	RC8	0	0	0	0	1	0		
TOTAL		18	19	122	1.384	96	20		
WEIGHT KG				122	1.384	96			

GRAND TOAL: 1.602 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/07/2024	TO: P3 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: DUONG - N.ANH - THANH	ETA: 11:40
Xanh - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY PHU	P3	27	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
2	HUYNH ĐỨC TÂM	P3	33	1	9	75	65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN SY MY	P3	32	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN GIA HIEU	P3	34	1	19		60	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VAN TAM	P3	21-22	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN CONG HOAN	P3	30-31	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN QUOC TUAN	P3	28-29	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VIET HUY	P3	23-24	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
9	LA VAN ĐỨC	P3	25-26	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
10	LE HUY KHANH	P3	37-38	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
11	HO NGUYEN HAU	P3	35-36	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN CANH LUYEN	P3	39-40	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
13	TRINH QUOC THANH	PPD	59-60	2	10		80	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN TRUONG NHAT MINH	PPD	68-70	3	12		85	KHI	Vietnamese
15	ĐO VAN THANH	PPD	64	1	5		85	KHI	Vietnamese
16	VU MANH HUNG	PPD	66	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	CHU MINH PHUONG	PPD	61	1	7		82	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC HOA	PPD	67	1	8		65	KHI	Vietnamese
19	TRINH CONG BINH	PPD	62	1	12		65	KHI	Vietnamese
20	GALLIAMOV I.	PPD	65	1	7		72	KH-THAC	Russian
21	TRAN THANH QUANG	PPD	63	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	12	20	184	776	75	1		
2	PPD	9	12	71	679	0	20		
TOTAL		21	32	255	1.455	75	21		
WEIGHT KG				255	1.455	75			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/07/2024	TO: MRM - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: QVIỆT - HTRUNG - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HAI LONG	MRM	73	1	14		80	DVL	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TUYẾT	MRM	74-75	2	15	10	77	DVL	Vietnamese
3	PHẠM VĂN SANG	MRM	67-68	2	14	30	68	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN HAI ĐĂNG	MRM	71-72	2	21		85	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HÙNG	MRM	69-70	2	17		65	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THƯ	MRM	76	1	14		62	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	55	1	5		58	KHI	Vietnamese
8	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	46-47	2	7		60	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN SEN	RP3	49	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	LÂM TIẾN PHI	RP3	52	1	5		87	KHI	Vietnamese
11	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	51	1	3		63	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	45	1	9		76	KHI	Vietnamese
13	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	56	1	6		78	KHI	Vietnamese
14	HÀ THẾ BAO	RP3					76	KHI	Vietnamese
15	PANKRATOV	RP3	57	1	10		95	KHI	Russian
16	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	56	1	4		72	KHI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LẬP	RP3					62	KHI	Vietnamese
18	PHẠM BÌNH NAM	RP3	48	1	7		60	KHI	Vietnamese
19	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3					68	KHI	Vietnamese
20	HÀ QUỐC VIỆT	RP3	50	1	2		60	KHI	Vietnamese
21	PHẠM VĂN CHUÔNG	RP3	60	1	5	20	65	KHI	Vietnamese
22	LÊ TIẾN THANH	RP3	53-54	2	7		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	6	10	95	437	40	0		
2	RP3	16	15	75	1.110	20	21		
TOTAL		22	25	170	1.547	60	21		
WEIGHT KG				170	1.547	60			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/07/2024	TO: P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VANH - DŨNG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	02	1	5		69	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	19	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	LÊ TRUNG LAM	P4					72	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4	12	1	5		77	KHI	Vietnamese
5	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	13	1	5		61	KHI	Vietnamese
6	LÊ HỒNG TRUNG	P4	20	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH QUÂN	P4	18	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT BANG	P4	14	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN SƠN ANH	P4	05	1	16		93	XAYLAP	Vietnamese
10	DƯƠNG MINH HOÀNG	P4	07	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐÀO QUỐC OAI	P4	10	1	10	11	83	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM MINH TRUNG	P4	06	1	15		85	XAYLAP	Vietnamese
13	HÀ XUÂN ĐẠT	P4	21-22	2	18		57	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	P4	28	1	10	13	70	XAYLAP	Vietnamese
15	LƯU VĂN LUẬN	P4	01	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN SẮC	P4	16-17	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	P4	08-09	2	19		60	XAY LAP	Vietnamese
18	VŨ VĂN LỢI	P4	03	1	12	13	68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN TRẦN VINH	P4	24	1	14	21	61	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THAI	P4	26-27	2	18		69	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P4	23	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐOÀN VĂN AI	P4	15	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	25	227	1.540	58	22		
TOTAL		22	25	227	1.540	58	22		
WEIGHT KG				227	1.540	58			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/07/2024	TO: P8 - P4 - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC TIN	P8	92-93	2	15		60	THIEN NAM	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P8	79-80	2	15		55	THIEN NAM	Vietnamese
3	NGUYỄN NGHĨA TUÔNG	P8	84	1	10		75	THIEN NAM	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC TIẾN	P8	95	1	11	5	72	THIEN NAM	Vietnamese
5	NGUYỄN NGHĨA TUẤN	P8	86-87	2	10		75	THIEN NAM	Vietnamese
6	LÊ VĂN HẢO	P8	91	1	8		75	THIEN NAM	Vietnamese
7	TRẦN VĂN ĐẠI	P8	81	1	13		72	THIEN NAM	Vietnamese
8	NGUYỄN BA	P8	76	1	7		78	THIEN NAM	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN LINH	P8	77	1	10		75	THIEN NAM	Vietnamese
10	ĐOÀN HỮU TRUYỀN	P8	85	1	12		61	THIEN NAM	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC HẢI	P8	88-89	2	12		50	THIEN NAM	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH MẠNH	P8	78	1	10		63	THIEN NAM	Vietnamese
13	HOANG VĂN BANG	P8	94	1	10		72	THIEN NAM	Vietnamese
14	VÕ THANH SƠN	P8	82-83	2	15		60	THIEN NAM	Vietnamese
15	BUI NGUYỄN TRUNG HẬU	P8	90	1	8		57	THIEN NAM	Vietnamese
16	PHAN THANH TÂM	P8	45	1	14		58	THIEN NAM	Vietnamese
17	LÊ MINH THUẬN	P8	46	1	11		57	THIEN NAM	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P4	30-31	2	19		78	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P4	34-35	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC NGÂN	P4	36-37	2	19	32	60	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG VĂN THANG	P4	32-33	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN KIM CƯỜNG	RP1	43	1	5	5	65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	17	22	191	1.115	5	0		
2	P4	4	8	74	270	32	14		
3	RP1	1	1	5	65	5	8		
TOTAL		22	31	270	1.450	42	22		
WEIGHT KG				270	1.450	42			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN